

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG HOÀI BẢO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG HOÀI BẢO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOAI BAO INTERIOR ARCHITECTURE AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109666253

**3. Ngày thành lập:** 10/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Phú An, Xã Thanh Đa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976.521.501

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299     |
| 13. | Phá dỡ                                                                | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                           | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329     |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330     |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390     |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)         | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4659        |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663        |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4752        |
| 25. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Hoạt động đo đạc bản đồ<br>Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước<br>Thiết kế quy hoạch xây dựng<br><br>Thiết kế kiến trúc công trình<br>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp<br>Thiết kế cơ- điện công trình<br>Thiết kế cấp - thoát nước công trình<br>Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;<br>Khảo sát địa hình<br>Khảo sát địa chất công trình<br>Giám sát công tác xây dựng<br>Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng- công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;<br>Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;<br>Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình<br>Xác định thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng, phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án<br>Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá công xây dựng;<br>Đo bóc khối lượng<br>Xác định thẩm tra dự toán xây dựng<br>Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;<br>Kiểm soát chi phí xây dựng công trình<br>Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng; quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng<br>Thẩm tra thiết kế xây dựng<br>Kiểm định xây dựng<br>Tư vấn quản lý dự án | 7110(Chính) |

|     |                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất | 7410 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: MAI VĂN BẢO Giới tính: *Nam*  
 Chức danh: *Giám đốc*  
 Sinh ngày: *01/08/1988* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030088008307*  
 Ngày cấp: *10/05/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*  
 Địa chỉ thường trú: *TDP Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
 Địa chỉ liên lạc: *TDP Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội